

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-ST

Ngày: 14-7-2020

V/v “Tranh chấp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ngọc Bội

2. Bà Phạm Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Lệ H, sinh năm 1974; Địa chỉ: xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Mai Thị Kim T, sinh năm 1982 và ông Nguyễn Thế N, sinh năm 1969; Cùng địa chỉ: xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Bà H và bà T có mặt. Ông N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Lệ H trình bày: Trước đây bà T có làm chủ hui và bà H có tham gia 02 dây hui cụ thể như sau:

Dây hui mở vào ngày 05/10/2016 âm lịch, loại hui quý (03 tháng mở hui 01 lần), mỗi phần hui là 3.000.000 đồng, dây hui có 18 phần trong đó bà H tham gia 01 phần. Sau khi mở hui, bà H đã góp hui được 11 kỳ, sau đó bà T tuyên bố đình hui (chấm dứt dây hui), không mở nữa. Sau khi chấm dứt dây hui, hai bên thống nhất bà T có trách nhiệm trả lại cho bà H tiền hui đã góp là 23.100.000 đồng (11 kỳ x 2.100.000 đồng/kỳ).

Dây hụi mở vào năm 2017 (do bà T không đưa giấy hụi nên bà H không nhớ ngày tháng), loại hụi tháng, mỗi phần hụi là 500.000 đồng, dây hụi có 32 phần trong đó bà H tham gia 01 phần. Sau khi mở hụi, bà H đã góp hụi được 25 kỳ và đến kỳ thứ 26 bà H bỏ thăm lĩnh hụi nhưng bà T không giao tiền hụi mà tuyên bố đình hụi (châm dứt dây hụi), không mở nữa. Sau khi châm dứt dây hụi, hai bên thống nhất bà T có trách nhiệm trả lại cho bà H tiền hụi đã góp là 8.750.000 đồng (25 kỳ x 350.000 đồng/kỳ).

Như vậy tổng số tiền hụi bà T phải trả cho bà H là 31.850.000 đồng, bà T đã trả 4.500.000 đồng nên bà T còn nợ bà H là 27.350.000 đồng.

Bà H khởi kiện yêu cầu bà T và ông N liên đới trả số tiền hụi là 27.350.000 đồng. Bà H xác định không yêu cầu bà T và ông N trả lãi do chậm trả tiền hụi. Bà H yêu cầu ông N liên đới trả nợ hụi vì ông N là chồng của bà T, nợ hụi phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên ông N phải có trách nhiệm liên đới.

- Theo lời khai trong xét xử, bị đơn bà Mai Thị Kim T trình bày: Bà T thống nhất có làm chủ hụi, bà H tham gia 02 dây hụi và đã góp hụi đúng như bà H đã trình bày. Do nhiều hụi viên đã lĩnh hụi không góp hụi nên 02 dây hụi của bà H tham gia phải đình hụi, không mở nữa. Bà T thống nhất số tiền hụi còn nợ bà H là 27.350.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà T đồng ý cùng ông N liên đới trả nợ hụi là 27.350.000 đồng, khi nào bà T buôn bán có tiền sẽ trả dần hằng tháng vì hiện nay bà T không có tiền trả. Đối với ông Nguyễn Thế N thì ông N có ý kiến là đồng ý cùng bà T liên đới trả nợ nhưng vì lý do ông N bận đi làm không nghỉ được nên không tham gia tại Tòa án được.

- Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Thế N: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Thế N vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Lệ H yêu cầu bị đơn bà Mai Thị Kim T và ông Nguyễn Thế N liên đới trả số tiền 27.350.000 đồng. Xét thấy số tiền trên phát sinh từ quan hệ dân sự là hụi được quy định tại Bộ luật Dân sự và bị đơn cư trú tại xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hụi” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thế N: Xét thấy ông Nguyễn Thế N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định nhưng ông Nguyễn Thế N vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Thế N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Lệ H:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Trần Lệ H và bà Mai Thị Kim T đã thống nhất bà H có tham gia 02 dây hui do bà T làm chủ hui, các bên đã thống nhất chấm dứt 02 dây hui trên và bà T có trách nhiệm trả cho bà H tiền hui đã góp tổng cộng là 27.350.000 đồng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền hui 27.350.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả nợ, bà H yêu cầu bà T và ông N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền hui là 27.350.000 đồng. Bà T đồng ý cùng ông N liên đới trả nợ và cho rằng ông N cũng đồng ý liên đới trả nợ. Xét thấy, số nợ hui phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, ông N biết bà H khởi kiện yêu cầu ông N liên đới trả nợ nhưng ông N không có ý kiến phản đối nên có đủ căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của bà T và ông N. Do đó, căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần buộc bà T và ông N liên đới trả nợ hui cho bà H.

Bà Mai Thị Kim T đồng ý trả tiền hui 27.350.000 đồng nhưng đề nghị được trả dần mỗi tháng từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy bà T là chủ hui và đã quyết định chấm dứt các dây hui nên bà T phải có trách nhiệm trả lại tiền các hui viên đã góp theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, quy định về họ, hui, biêu, phường. Việc bà T chậm trả tiền hui đã trực tiếp ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà H nên ý kiến của bà T đề nghị trả dần hằng tháng không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Lệ H đối với bà Mai Thị Kim T và ông Nguyễn Thế N. Buộc bà Mai Thị Kim T và ông Nguyễn Thế N liên đới trả cho bà Trần Lệ H số tiền nợ hui là 27.350.000 đồng.

[4] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà Trần Lệ H và bà Mai Thị Kim T thống nhất khi tham gia hui các bên không thỏa thuận việc trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền hui, bà H xác định không yêu cầu bà T và ông N trả lãi do chậm trả tiền hui nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5] Về án phí: Bà Mai Thị Kim T và ông Nguyễn Thế N có nghĩa vụ trả tiền nên phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.367.500 đồng (27.350.000 đồng x 5%). Bà Trần Lệ H không phải chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 357, 471 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Lệ H đối với bà Mai Thị Kim T và ông Nguyễn Thế N.

Buộc bà Mai Thị Kim T và ông Nguyễn Thế N liên đới trả cho bà Trần Lệ H số tiền 27.350.000 đồng (hai mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Mai Thị Kim T và ông Nguyễn Thế N có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.367.500 đồng (một triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) sung vào công quỹ Nhà nước.

Bà Trần Lệ H không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà H tiền tạm ứng án phí là 1.090.000 đồng (một triệu chín mươi nghìn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003146 ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Lệ H và bà Mai Thị Kim T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Thế N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- CCTHADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Trọng